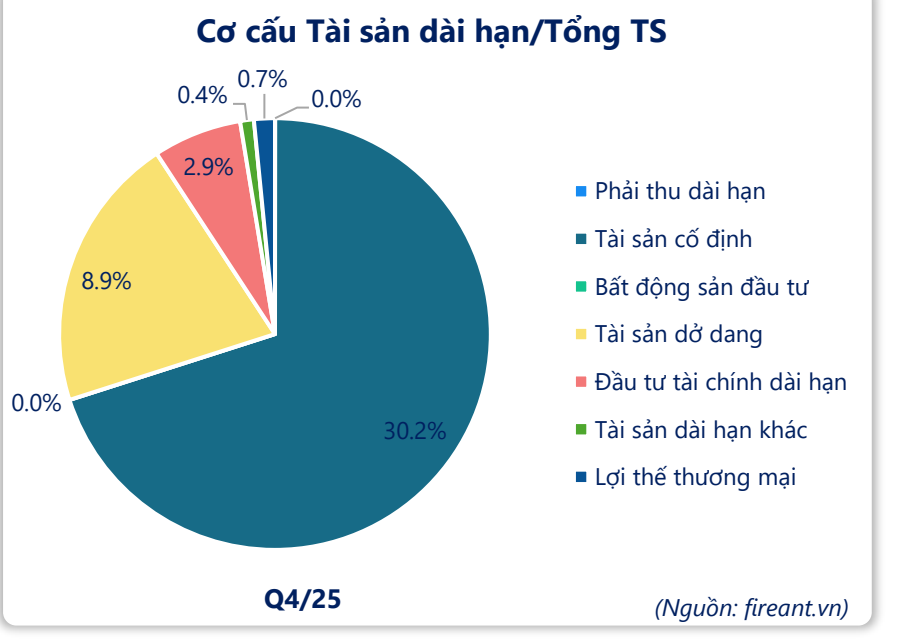
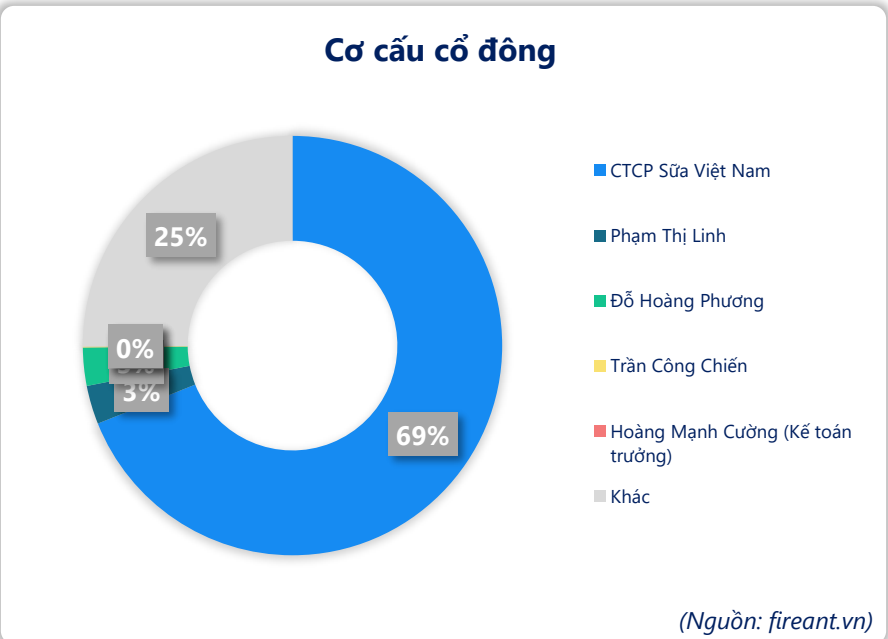
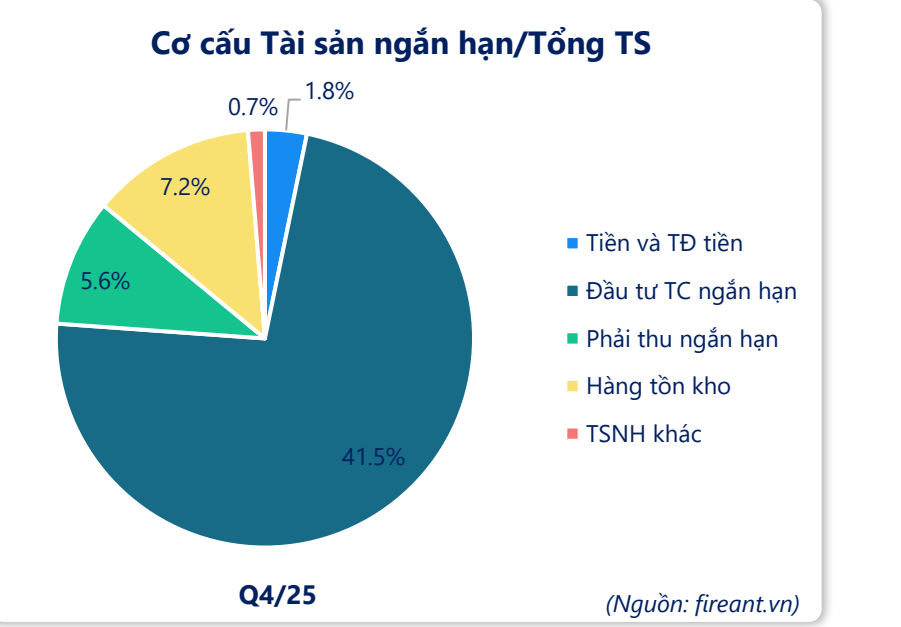
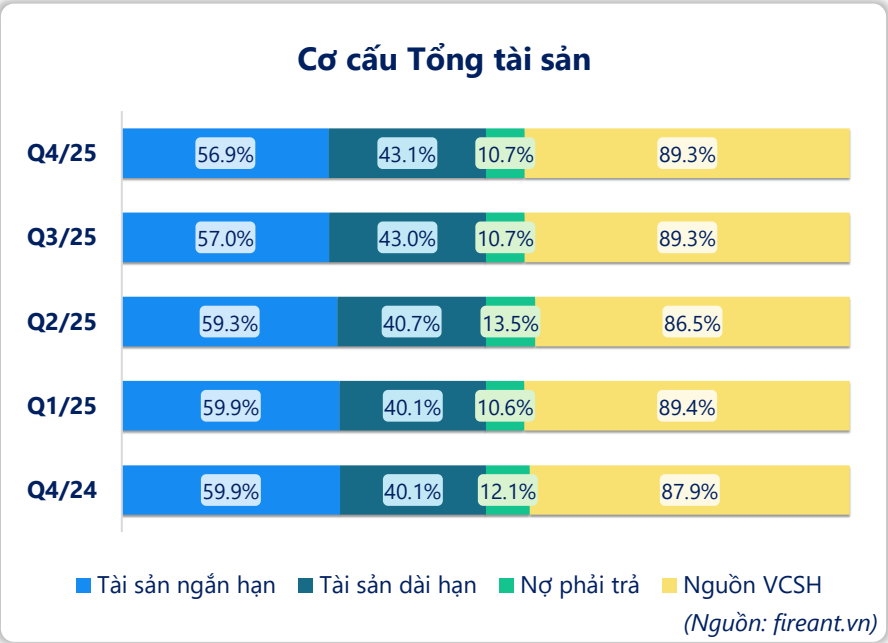
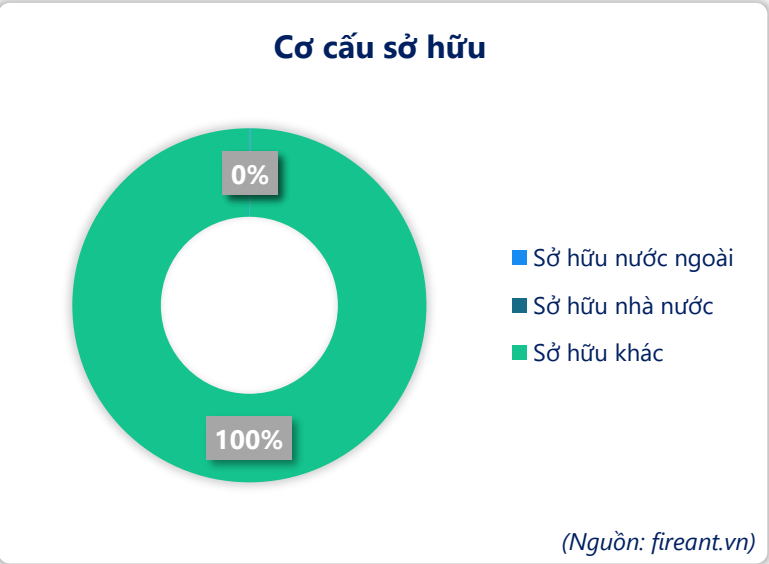
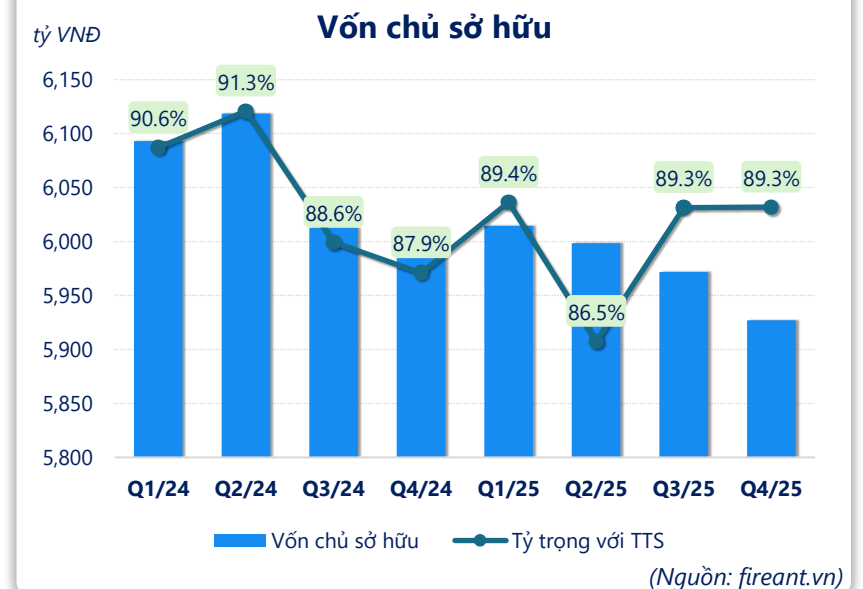
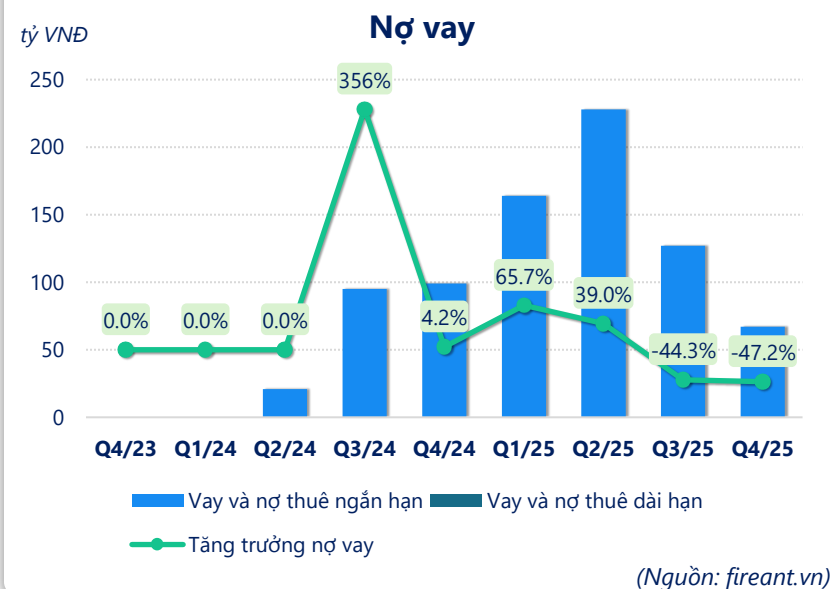
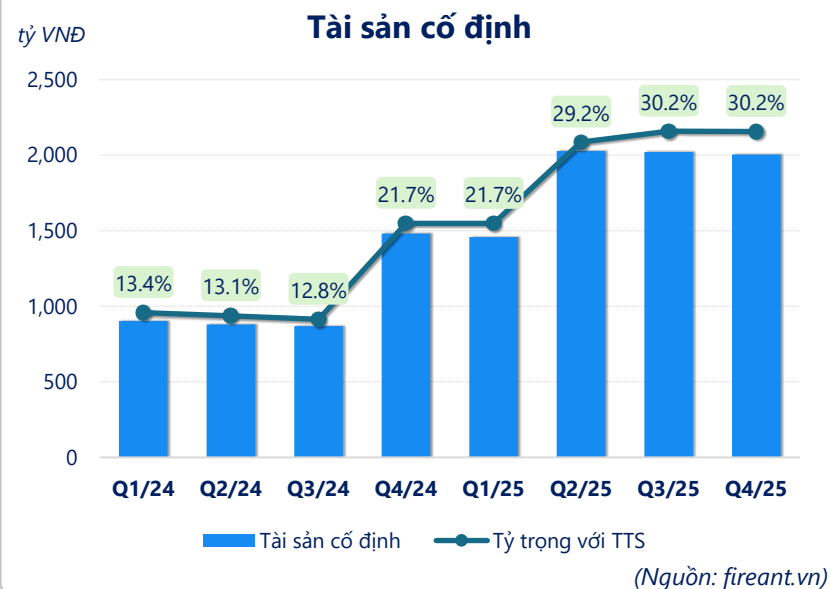
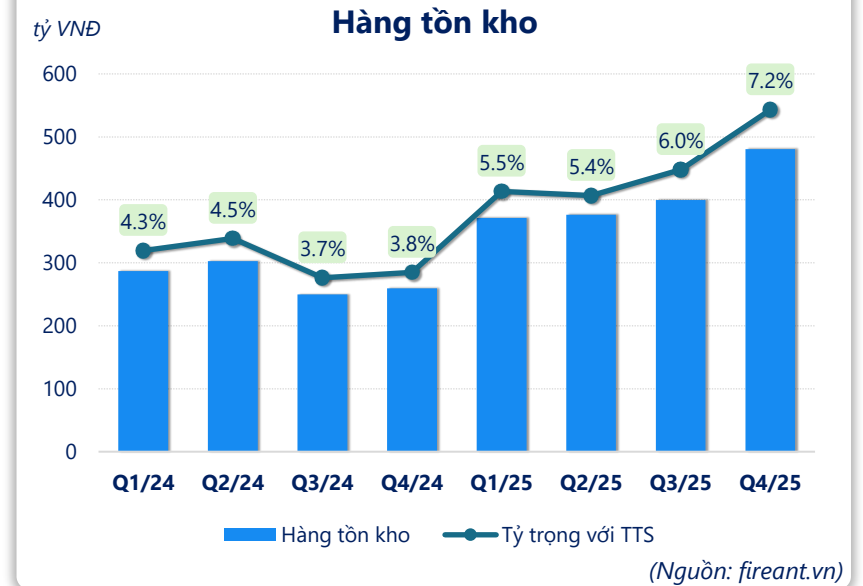
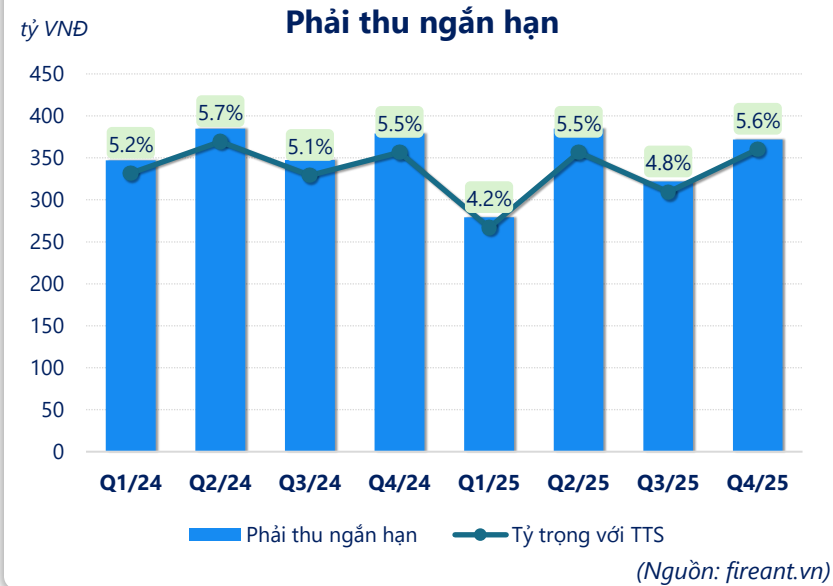
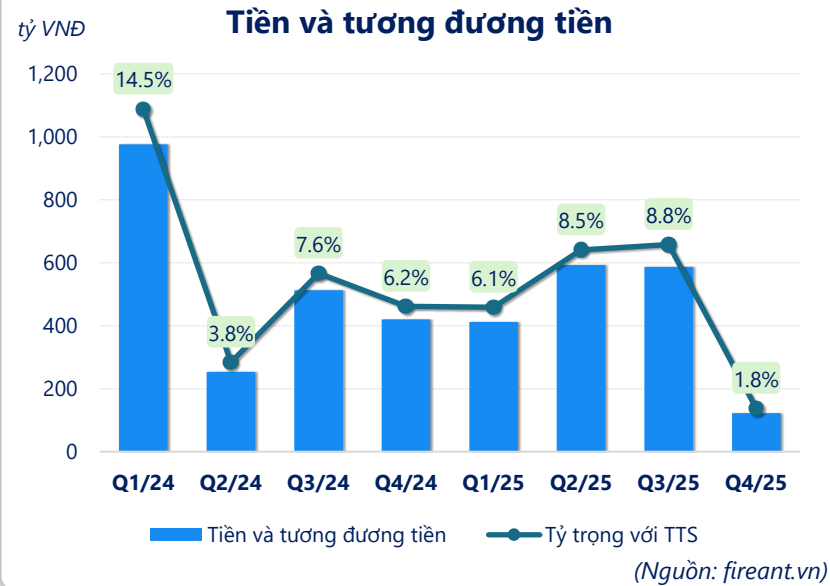
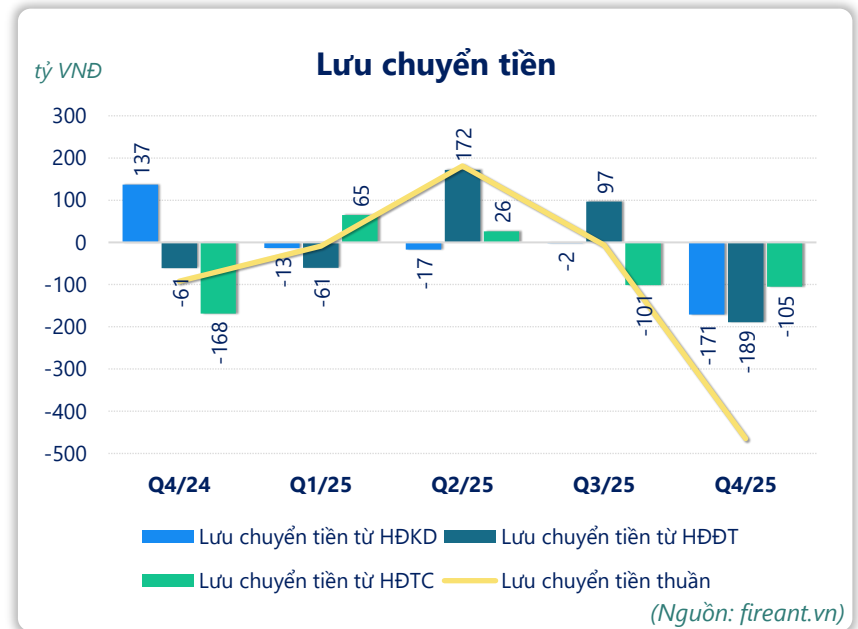
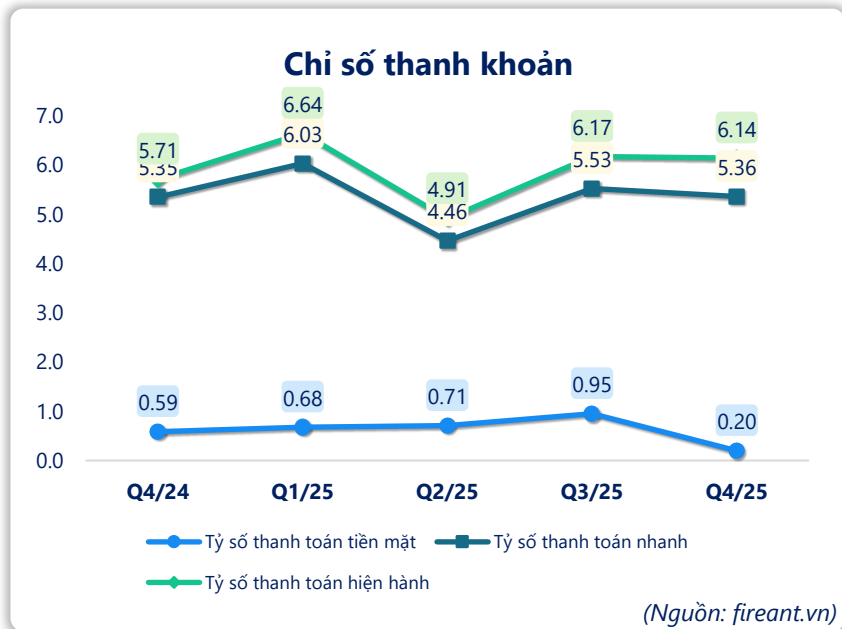
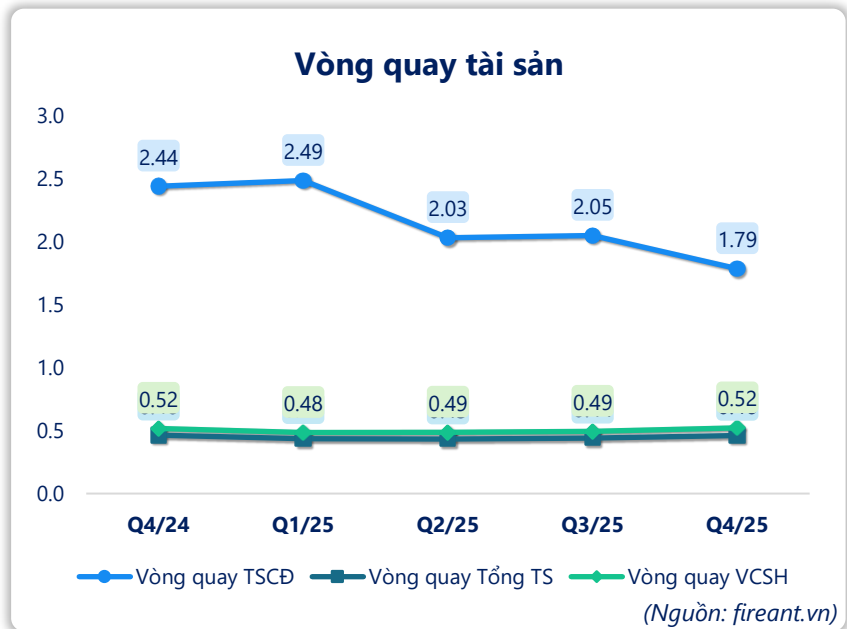
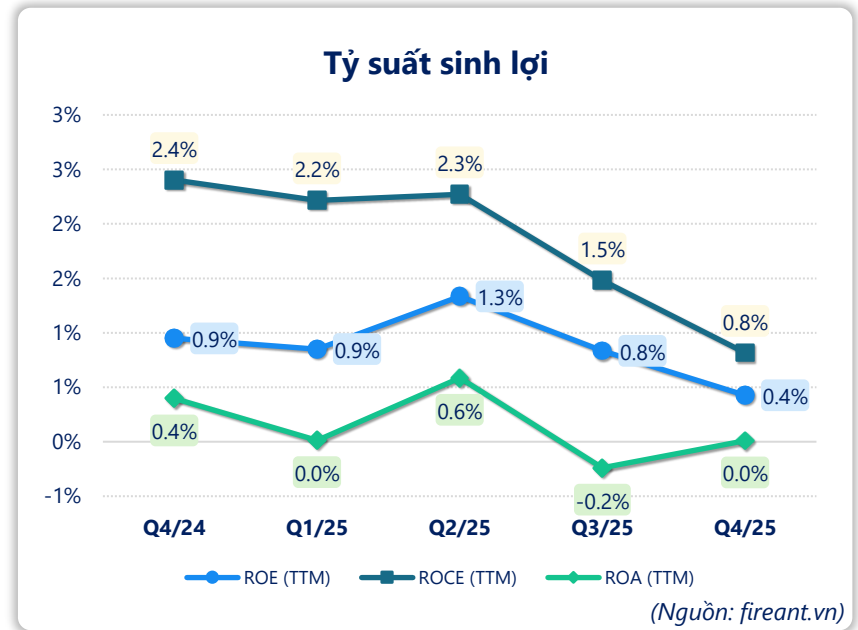
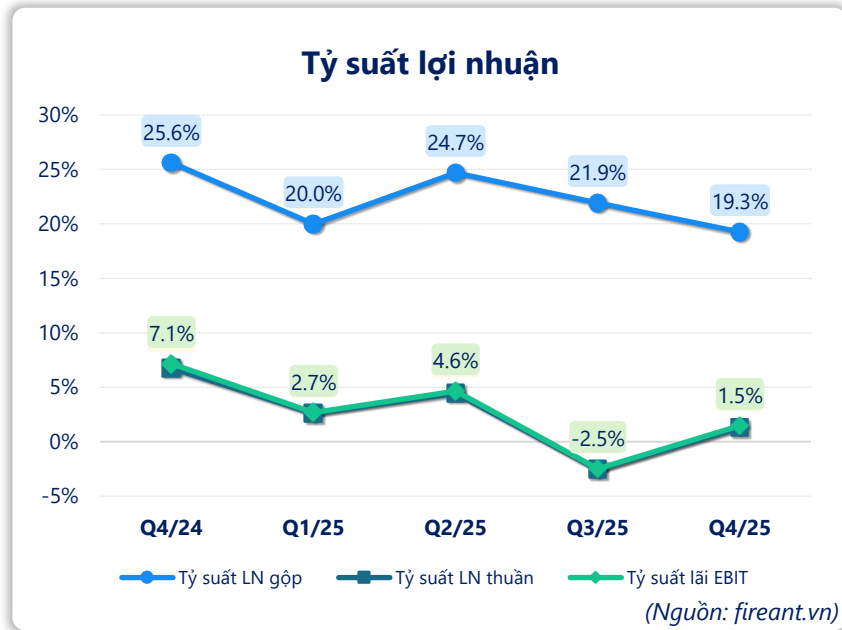
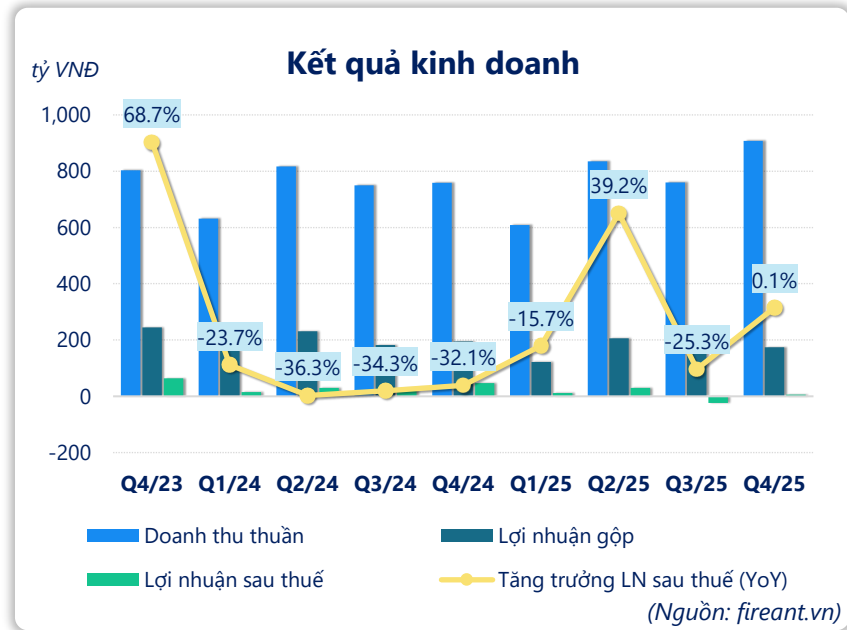


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,300
SL cổ phiếu LH		212,491,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)		75,935
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,932
P/E		115.2
EPS		120

	YTD	1T	3T	6T
VLC	-22.5%	-1.4%	-8.0%	-9.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,637	6,816	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	3,777	4,077	-7.4%
Tiền và tương đương tiền	122	421	-71.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,753	2,989	-7.9%
Phải thu ngắn hạn	372	361	3.2%
Hàng tồn kho	480	259	85.2%
Tài sản ngắn hạn khác	49.0	47.3	3.5%
Tài sản dài hạn	2,861	2,738	4.5%
Phải thu dài hạn	0.47	0.64	-25.9%
Tài sản cố định	2,004	1,482	35.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	592	885	-33.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	252	-24.7%
Tài sản dài hạn khác	29.3	25.9	13.0%
Lợi thế thương mại	44.8	92.2	-51.4%
Nợ phải trả	710	808	-12.1%
Nợ ngắn hạn	615	699	-12.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.0	99.0	-32.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	269	382	-29.5%
Nợ dài hạn	95.5	109	-12.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,927	6,008	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	5,927	6,008	-1.3%
Vốn điều lệ	2,125	2,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	758	609	835	760	908
Giá vốn hàng bán	564	487	629	594	733
Lợi nhuận gộp	194	122	206	167	175
Doanh thu HĐTC	49.3	46.9	50.3	46.0	47.5
Chi phí TC	1.33	1.32	2.17	1.70	0.91
Chi phí lãi vay	1.16	1.17	1.98	1.69	0.87
LN trong công ty LKLD	2.15	-0.14	0.25	1.55	-0.65
Chi phí bán hàng	159	109	177	192	167
Chi phí QLDN	34.0	42.7	40.1	40.2	41.9
LN thuần từ HĐKD	51.2	15.7	37.2	-19.3	11.9
Lợi nhuận khác	1.85	-0.61	-0.42	-1.23	0.70
LN trước thuế	53.0	15.1	36.8	-20.6	12.6
Lợi nhuận sau thuế	47.0	11.2	29.7	-23.9	6.32
LNST của CĐ cty mẹ	25.2	0.91	39.9	-16.1	0.73

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	137	-13.4	-17.1	-2.01	-171
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-60.9	-60.5	172	97.0	-189
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-168	65.0	26.4	-101	-105
Tiền đầu kỳ	513	421	412	593	587
Lưu chuyển tiền thuần	-92.3	-8.96	181	-6.05	-465
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	-0.04
Tiền cuối kỳ	421	412	593	587	122

(Nguồn: fireant.vn)